

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ N**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 56/2017/HSST
Ngày: 16 - 8 - 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông H Đức Cường;
2. Bà Phạm Thị Ngọc Lý .

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Trần Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL - tỉnh Hà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/HSST-QĐ ngày 02/8/2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D; vợ Nguyễn Thị H, con: Có hai con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: Ngày 28/6/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây tH tích”; ngày 23/02/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Phú Lý, tỉnh Hà N xử phạt 36 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/5/2008; ngày 09/7/2010 bị Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà N xử phạt 8 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2016; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Anh Bùi Duy Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: số nhà 11, ngõ 127, VC, quận BD, thành phố HN; Trú tại: Đội 5, thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà N. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Việt H, sinh năm 1987; Địa chỉ: phường KL, quận Đ Đ, thành phố HN; Trú tại: Đội 5, thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà N. Vắng mặt.

3. Anh Đinh Xuân N, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn LT, xã YT, huyện YY, tỉnh N Định; Trú tại: Đội 5, thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà N. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Huy H, sinh năm 1988; Trú tại: thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà N. Vắng mặt.

2. Chị Dương Thị NA, sinh năm 1985; Trú tại: thôn 4 T, xã Thanh H, huyện TL, tỉnh Hà N. Vắng mặt.

3. Chị PH Thị N, sinh năm 1992; Trú tại: thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà N. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 03/4/2017, Nguyễn Văn L đi xe đạp vòng quanh thôn BL, xã TN với mục đích xem có ai sở hữu trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Phạm Xuân Thủy sinh năm 1954 ở thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà N, L thấy nhà ông Thủy cửa cổng, cửa nhà mở, xung quanh không có ai nên L dựng xe đạp ở cổng, đi vào trong nhà, đi dọc hành lang đến phòng ngủ sau phòng khách ở gần nhà vệ sinh thì thấy các anh Bùi Duy Q, Vũ Việt H và anh Đinh Xuân N là công nhân thuê trọ nhà ông Thủy đang nằm ngủ trên chiếu trải dưới nền nhà và thấy có ba chiếc điện thoại di động ở cạnh chỗ nằm của các anh Q, H, N. L lấy trộm chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus của anh Q, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel của anh H và chiếc điện thoại di động Iphone 5s của anh N cất giấu vào người rồi đi ra ngoài đạp xe về nhà. L mang chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus màu vàng vừa trộm cắp được đến cửa hàng di động của anh Trần Huy H bán cho anh H với giá 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó L tiếp tục đi đến cửa hàng điện thoại di động Anh Quân tại thôn 4 T, xã Thanh H, huyện TL, tỉnh Hà N gặp chị Dương Thị NA là chủ cửa hàng, L bán chiếc điện thoại Iphone 5S cho chị NA với giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, L giữ lại để sử dụng.

Tài sản vật chứng thu giữ gồm:

+ Thu giữ của Nguyễn Văn L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng);

+ Thu giữ của anh Trần Huy H 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 plus.

+ Thu giữ của chị Dương Thị NA 01 (một) nắp sau của chiếc điện thoại Iphone 5s màu vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/2017/KL-ĐGTS ngày 12/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện TL kết luận: “Tổng giá trị thiệt hại của 03 chiếc điện thoại di động là 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

* Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội D vụ án đã nêu. Mục đích của bị cáo trộm cắp tài sản để tiêu sài cá nhân.

Tại bản cáo trạng số 55/KSĐT ngày 06/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 - Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi của bị cáo như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn L từ 36 đến 42 tháng tù. Buộc bị cáo phải trả cho anh Trần Huy H số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp án phí theo quy định. Xử lý vật chứng: Số tiền 100.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn L do L bán điện thoại trộm cắp được sung vào công quỹ Nhà nước, tịch thu tiêu hủy nắp sau chiếc điện thoại Iphone 5S màu vàng.

Bị cáo L không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03/4/2017, bị cáo Nguyễn Văn L đã lén lút đột nhập vào nhà ông Phạm Xuân Thủy tại thôn BL, xã TN trộm cắp của anh Bùi Duy Q 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 Plus, của anh Vũ Việt H 01 điện thoại di động Masstel, của anh Đinh Xuân N 01 điện thoại di động Iphone 5s sau đó đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tổng trị giá tài sản mà L chiếm đoạt là 8.400.000 đ (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Nguyễn Văn L đã bị kết án trong trường hợp tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo L phải chịu tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của Nguyễn Văn L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố Nguyễn Văn L là đúng người, đúng tội.

[4] Xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã từng bị kết án nhiều lần (ba lần) xong bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Qua xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình. Như vậy chứng tỏ bị cáo có lối sống buông thả, ham chơi, không chịu làm ăn, coi thường kỷ cương pháp luật. Cần thiết phải tuyên một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm dẫn dắt giáo dục và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có công ăn việc làm nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Đối với chị Dương Thị NA, anh Trần Huy H, chị PH Thị N là người mua điện thoại của Nguyễn Văn L, song không biết nguồn gốc những chiếc điện thoại do Nguyễn Văn L trộm cắp mà có. Do vậy Cơ quan tiến hành tố tụng

không xem xét trách nhiệm đối với chị NA, anh H và chị N là phù hợp pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Huy H yêu cầu Nguyễn Văn L trả lại cho anh số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) mà anh đã dùng để mua chiếc điện thoại Iphone 6 Plus. Xét yêu cầu của anh Trần Huy H là có căn cứ nên buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Các anh Bùi Duy Q, Vũ Việt H, Đinh Xuân N và chị Dương Thị NA không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 nắp sau chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu vàng thu giữ trong quá trình điều tra không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn L xác định đây là tiền do L bán điện thoại trộm cắp, song không xác định được do bán chiếc điện thoại di động nào, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2017.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam Nguyễn Văn L 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc Nguyễn Văn L phải bồi thường cho anh Trần Huy H số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 nắp sau chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu vàng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 100.000đ (Một trăm ngàn đồng).

(Tình trạng vật chứng như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/7/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TL và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TL và ủy nhiệm chi số 29 ngày 10/7/2017).

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu L pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà N;
- VKSND huyện TL;
- Công an huyện TL;
- Chi cục THA DS huyện TL;
- Sở tư pháp tỉnh Hà N;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên